

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH HIỆP ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2019

V/v: ly hôn, con chung giữa
chị N và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH HIỆP ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Côn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn An Thuận 1, xã V, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 6, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh H; chị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08-5-019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 25-01-2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ chung sống tại Hà Nội làm kinh tế. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, đôi khi còn có lối sống, sinh hoạt khác thường làm ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của chị N và các con. Vì vậy, vợ chồng thường xảy ra xô sát, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh H được nên chị N đã thuê nhà trọ ở riêng và chuyển hộ khẩu của chị N và con gái lớn về quê cùng bố mẹ đẻ tại V, Chương Mỹ, Hà Nội từ tháng 6 năm 2018; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H thường xuyên đến nhà trọ của chị N chửi bới, phá đồ đạc, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị, gây mất trật tự an ninh nơi chị ở. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Minh Trang, sinh ngày 09/9/2003; Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 01/9/2013 và Nguyễn Minh Diệp, sinh ngày 10/01/2015. Hiện nay cháu Trang và cháu Diệp đang ở với chị N tại Hà Nội, cháu Lâm đang ở với anh H tại nhà bố mẹ của anh H ở xã C, huyện Hải Hậu. Chị N hiện làm nghề chăm sóc sức khỏe tại Hà Nội nên khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi hai con là cháu Trang và cháu Diệp và đề nghị Tòa giao cháu Lâm cho anh H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-6-2019, quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn H có lời khai phù hợp với lời khai của chị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Theo anh H, từ khi kết hôn, vợ chồng đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N chưa thực sự có trách nhiệm với gia đình. Từ khoảng cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, chị N mở cửa hàng kinh doanh riêng thì có những mối quan hệ bên ngoài chưa chuẩn mực, anh H đã yêu cầu chị N xem xét, điều chỉnh lại các mối quan hệ nhiều lần nhưng chị N không thay đổi. Vợ chồng chỉ chính thức sống ly thân từ tháng 02-2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H đã chủ động gặp chị N để vợ chồng bàn bạc giải quyết mâu thuẫn nhưng chị né tránh. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng chưa phải quá sâu sắc, anh H đã nhận ra một phần lỗi thuộc về mình, hứa sửa chữa và tha thứ mọi lỗi lầm cho chị N để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, anh H không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H có lời khai thống nhất với chị N về ba con chung. Quá trình giải quyết vụ án, do anh H không nhất trí ly hôn nên anh không trình bày quan điểm, chưa có yêu cầu trong việc giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh H khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phùng Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử ly hôn giữa chị N và anh H. Về con chung: giao hai con chung là Nguyễn Minh Trang và Nguyễn Minh Diệp cho chị N và giao cháu Nguyễn Phúc Lâm cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động tự lập hoặc có tài sản để tự nuôi mình; chị N, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con. Về tài sản và công nợ: Chị N và anh H không yêu cầu nên không cần đề cập giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phùng Thị N là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 25-01-2010. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh H đều thừa nhận mặc dù đã có 3 con chung nhưng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không hợp; chị N

và anh H có lối sống, sinh hoạt khác nhau, không dung hòa được với nhau, không tin tưởng thậm chí mất lòng tin ở nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù anh H cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, không nhất trí ly hôn nhưng căn cứ lời khai của chị N, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N đã cắt, chuyển khẩu của chị N và cháu Trang từ gia đình anh H về nhập khẩu cùng bố mẹ đẻ tại Hà Nội và thuê nhà làm ăn, sinh sống riêng từ tháng 6/2018 đến nay. Bản thân anh H cũng thừa nhận, vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2019 đến nay. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H là sự việc có thật. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh H có ba con chung là: Nguyễn Minh Trang, sinh ngày 09/9/2003; Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 01/9/2013 và Nguyễn Minh Diệp, sinh ngày 10/01/2015. Xét yêu cầu của chị N trong việc nuôi con, nguyện vọng của con và điều kiện hoàn cảnh của chị N, anh H hiện nay thì thấy: Chị N nhận nuôi 2 con là cháu Trang và cháu Diệp. Tại đơn đề nghị, cháu Nguyễn Minh Trang có nguyện vọng xin được ở với chị N. Hiện tại, cháu Trang và cháu Diệp do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Lâm sống cùng anh H tại nhà bố mẹ đẻ anh H. Quá trình giải quyết vụ án đến nay, mặc dù anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nhưng xét việc nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn. Do đó, **xét** cần chấp nhận nguyện vọng của chị N, tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh Trang và Nguyễn Minh Diệp cho chị N và giao cháu Nguyễn Phúc Lâm cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Chị N và anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phùng Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Trang, sinh ngày 09-9-2003 và Nguyễn Minh Diệp, sinh ngày 10-01-2015 cho chị Phùng Thị N và giao cháu Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 01-9-2013 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị N và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở chị N, anh H thực hiện quyền thăm con nhưng các bên không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phùng Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000447 ngày 06-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe